

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 217/2022/DS-PT
Ngày: 11 - 8 - 2022
V/v Tranh chấp ranh giới giữa bất
động sản liền kề.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2022/TLPT-DS, ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ranh giới giữa bất động sản liền kề”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2022/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1951; địa chỉ: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Mã Thị Kim O, sinh năm 1967 (có mặt).

2. Ông Tăng Văn G, sinh năm 1969 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện T; địa chỉ: Khóm 09, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Trần Tấn Công là Chủ tịch UBND huyện. Địa chỉ: Khóm 09, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bà Ma Ri G, sinh năm 1956;

3. Ông Ma Hết Ma Ha M, sinh năm 1977;

4. Bà A, sinh năm 1980;

5. Bà S, sinh năm 1982;
6. Bà A, sinh năm 1984;
7. Ông S, sinh năm 1987;
8. Chị Ha Sa N, sinh năm 2004;
9. Ông Dương Hoàng N, sinh năm 1981;
10. Anh Mach Sa L, sinh năm 1994 (vắng mặt).
11. Anh Tăng Văn T, sinh năm 1999 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của Ma Ri G, Ma Hết Ma Ha M, A, S, A, S, Ha Sa N, Dương Hoàng N: Ông Nguyễn Văn T, là nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 6, 26 và 30 tháng 11 năm 2020).

- *Người kháng cáo:* Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử sơ thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn T có tranh chấp với bà Mã Thị Kim O, Ông Tăng Văn G phần diện tích đất liền kề (ranh đất) là 2,2 m², tọa lạc tại khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình sử dụng đất thì ông Nguyễn Văn T có xây 01 hàng gạch chạy dài khoảng 02 mét, từ điểm tiếp giáp lộ bê tông đến phần nhà của bà Mã Thị Kim O, Ông Tăng Văn G. Năm 2019, bà Mã Thị Kim O, Ông Tăng Văn G xây lại đoạn gạch đã xây này gồm 02 hàng gạch chạy song song, 01 hàng gạch xây trồng lên hàng gạch ông Nguyễn Văn T xây trước đó và 01 hàng gạch song song liền kề bên ngoài hướng sang phần đất của ông Nguyễn Văn T và xếp gạch (không xây) đến hết phần hậu đất. Từ đó ông Nguyễn Văn T khởi kiện đòi lại phần đất tranh chấp này với diện tích 2,2m². Bà Mã Thị Kim O, Ông Tăng Văn G thì xác định phần diện tích đất này là của Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O, không phải đất của ông Nguyễn Văn T. Ngoài ra, bà Mã Thị Kim O, Ông Tăng Văn G có yêu cầu phản tố buộc ông Nguyễn Văn T trả thêm phần đất có diện tích 6,1 m² là phần đất liền kề với phần đất tranh chấp mà ông Nguyễn Văn T đang quản lý sử dụng.

Theo ông Nguyễn Văn T cho rằng, phần đất đang tranh chấp có diện tích 2,2 m² là phần đất nằm bên trong phần diện tích đất mà ông quản lý sử dụng hơn 20 năm không có tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP236793. Quá trình sử dụng đất thì ông có xây hàng gạch từ lộ vào khoảng 02 mét để làm ranh thì Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O không ngăn cản, mãi cho đến năm 2019 thì bà Mã Thị Kim O, Ông Tăng Văn G xây chồng lên hàng gạch mà ông xây trước đó và xây lấn sang phần đất của ông thêm một hàng gạch nữa để chiếm hết phần đất này của ông nên ông kiện đòi. Còn phần diện tích đất 6,1m² mà Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O kiện phản tố yêu cầu đòi lại thì đây là phần đất sân nhà do ông quản lý sử dụng từ trước đến nay không phải đất của bị đơn nên ông không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Theo bà Mã Thị Kim O, Ông Tăng Văn G thì cho rằng phần đất tranh chấp nằm trong diện tích đất 27,2 m² do vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của ông Lâm Văn Rắc có chiều ngang 04 mét, dài 6,8 mét và phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất thì ông Nguyễn Văn T có xây gạch từ lộ vào khoảng 02 mét để ngăn nước và dùng lưới để rào chắn vật nuôi vào khu đất trồng cây thuốc, vì nghĩ là ông Nguyễn Văn T chỉ sử dụng tạm nên vợ chồng ông bà không có ngăn cản. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại tổng diện tích mà ông Nguyễn Văn T chiếm giữ là 8,3m².

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan không có ý kiến và cũng không có yêu cầu khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2022/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

1. Buộc vợ chồng Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O trả lại cho ông Nguyễn Văn T phần đất tranh chấp có diện tích là 2,2m², giới hạn tại các mốc M6, M7, M12, M13, thửa số 3 của bản Trích đo hiện trạng ngày 13/12/2019, được ghi nhận tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 49, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP236793; tọa lạc tại khóm 2, thị trấn S, huyện Trần văn Thời, tỉnh Cà Mau. Buộc vợ chồng Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O tháo dỡ phần gạch đã xây trên đất tranh chấp, trả lại hiện trạng đất ban đầu cho ông Nguyễn Văn T.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của vợ chồng Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Ngày 10/5/2022, bà Mã Thị Kim O, Ông Tăng Văn G kháng cáo yêu xác định lại vị trí, diện tích thửa đất đảm bảo đủ ngang 4 mét dài 6,8 mét đúng theo giấy tờ chuyển nhượng và vị trí khu đất tính từ phần nhà hiện tại không tính diện tích vị trí phần sân để buộc ông Nguyễn Văn T tháo dỡ công trình xây dựng trên đất trả lại toàn bộ phần đất tranh chấp theo yêu cầu của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau sau khi phát biểu ý kiến về chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; sửa một phần bản án sơ thẩm số: 95/2022/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T; bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có văn bản ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt đúng quy định. Riêng đối với Mach Sa L không liên quan đến quyền, nghĩa vụ trong việc tranh chấp (cháu vợ của nguyên đơn) và hiện không có mặt ở địa phương, không rõ ở đâu, nên xét xử vắng mặt Mach Sa L là có căn cứ.

[3] Xét về nội dung tranh chấp cho thấy, phần đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có diện tích là 2,2m² là phần ranh đất giữa hai phần đất liền kề của ông Nguyễn Văn T với Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O. Ông Nguyễn Văn T cho rằng phần đất này nằm trong diện tích 69,3m² được Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng cho ông Nguyễn Văn T tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 49, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP236793 cấp ngày 01/4/2019, do phần đất này phía bị đơn chiếm giữ nên kiện đòi. Còn bà Mã Thị Kim O, Ông Tăng Văn G thì xác định phần đất tranh chấp không thuộc phần đất của ông Nguyễn Văn T mà thuộc trong diện tích đất mà bà Mã Thị Kim O, Ông Tăng Văn G nhận chuyển nhượng của ông Lâm Văn R nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra, Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O còn kiện phản tố yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả thêm phần diện tích 6,1m² nối liền, song song với diện tích đất tranh chấp 2,2m² và nằm trong phần đất của ông Nguyễn Văn T được cấp quyền sử dụng đất, đang do ông Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng. Tổng diện tích đất tranh chấp là 8,3m².

[3.1] Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thì phần đất của ông Nguyễn Văn T là do nhận chuyển nhượng lại từ người khác và quản lý, sử dụng đến ngày 01/4/2019 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP236793, với diện tích được cấp là 69,3m². Phần đất này có một đoạn tiếp giáp với phần đất của Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O, đoạn tiếp giáp này hai bên có tranh chấp với tổng diện tích là 8,3m². Phần đất của Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O theo khai nhận là nhận chuyển nhượng của ông Lâm Văn R với chiều ngang là 04 mét, nhưng không đo đạc, cắm mốc cụ thể và phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo sơ đồ địa chính ghi nhận thì phần đất của Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O có diện tích là 29,7m². Tại phần diện tích tranh chấp theo nguyên đơn khởi kiện là đoạn tiếp giáp lộ bê tông chạy dọc đến hết phần nhà của bị đơn, có chiều ngang 0,21m (đoạn giáp lộ) và 0,31m (đoạn ngang hậu đất của bị đơn), có diện tích 2,2m². Phần đất này đoạn tiếp giáp lộ vào đến hành lang nhà bị đơn dài khoảng 02 mét thì quá trình sử dụng ông Nguyễn Văn T có xây 01 hàng gạch chạy dài, thời gian xây ông Nguyễn Văn T không nhớ rõ, khi xây hàng gạch này phía Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O không ngăn cản vì cho rằng hiện trạng đất chưa được phân định rõ ràng, ông Nguyễn Văn T chỉ xây tạm để ngăn chặn nước phục vụ cho việc trồng cây thuốc nên không ngăn cản. Đến năm 2019, phía Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O xây lại hàng gạch này có một hàng gạch trồng lên hàng gạch ông Nguyễn Văn T xây trước đó và một hàng gạch song song bên ngoài hàng gạch cũ lấn sang phần đất phía ông Nguyễn Văn T đang quản lý; đoạn còn lại từ mé nhà của bị đơn đến hết phần nhà thì chỉ chất gạch tạm thời và từ đó giữa các bên xảy ra tranh chấp.

[3.2] Xét về hồ sơ địa chính và kết quả đo đạc trên thực địa cho thấy:

Đối với phần đất của ông Nguyễn Văn T thì tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP236793 cấp ngày 01/4/2019 và sơ đồ địa chính (bút lục 06, 07) thì ông Nguyễn Văn T được cấp diện tích đất tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 49 với diện tích 69,3m² và cạnh mặt tiền giáp lộ bê tông có chiều dài là 3,58m. Kết quả đo đạc, thẩm định trên thực địa (bút lục 60, 61, 62, 171, 172) thì phần đất của ông Nguyễn Văn T có cạnh mặt tiền giáp lộ bê tông tổng chiều ngang là 3,82m, nếu không tính chiều ngang phần tranh chấp 0,21m thì phần còn lại là 3,61m (thừa chiều ngang so với hồ sơ địa chính là 0,03m, chưa tính phần tranh chấp). Còn diện tích trên thực địa là 70,3 mét, chưa tính phần diện tích tranh chấp (diện tích này vẫn thừa so với diện tích được cấp). Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T xác định là diện tích đất mà Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời đã cấp cho ông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP236793 cấp ngày 01/4/2019 và sơ đồ địa chính là hoàn toàn đúng, ông căn cứ vào hồ sơ, diện tích đất được cấp để xác định phần đất đang tranh chấp là của ông nên ông kiện đòi.

Đối với phần đất của Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O thì theo việc nhận chuyển nhượng đất của ông Lâm Văn Rắc có chiều ngang mặt tiền 04m là không có cơ sở công nhận và cũng không có chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, tại sơ đồ địa chính (bút lục 06) và biên bản thẩm định (bút lục 171, 172) thể hiện phần đất này có tổng diện tích là 29,7m² và có chiều dài của cạnh mặt tiền giáp lộ bê tông là 3,8m. Kết quả đo đạc, thẩm định trên thực địa (bút lục 60, 61, 62, 171, 172) thì phần đất này có diện tích 27,6m², chưa tính diện tích đất tranh chấp 2,2m², Nếu tính cả diện tích tranh chấp 2,2m² thì có tổng diện tích 29,8m², thừa 0,1m² so với diện tích được ghi nhận tại sơ đồ địa chính.

Từ đó cho thấy, phần diện tích đất tranh chấp 2,2m² theo khởi kiện của nguyên đơn thì không nằm trong diện tích đất của ông Nguyễn Văn T được cấp mà thuộc diện tích đất của Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O được ghi nhận tại thửa số 74 tờ bản đồ số 49 (bút lục 06). Việc ông Nguyễn Văn T xây hàng gạch trước đó là do ông Nguyễn Văn T xác định không đúng mốc giới phần đất của mình và việc này không đủ căn cứ để xác định là đất của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm chỉ dựa vào việc ông Nguyễn Văn T xây hàng gạch (*dài khoảng 02 mét, chiều cao 01 cục gạch*) mà phía bị đơn không ngăn cản để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp với chứng cứ hồ sơ địa chính, diện tích đất trên thực địa cũng như hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T.

[3.3] Xét yêu cầu kiện phản tố thì Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại phần đất có diện tích 6,1m² là phần đất liền kề, song song với phần diện tích tranh chấp 2,2m² mà ông Nguyễn Văn T khởi kiện. Đồng thời Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh là đất của mình trong khi tính tổng diện tích đất mà Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O quản lý đã thừa diện tích so với diện tích mà Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O cho rằng nhận sang của ông Lâm Văn R. Hơn nữa, qua các cơ sở đã nêu trên thì phần diện tích đất 6,1m² này là một phần đất sân trước nhà ông Nguyễn Văn T và nằm trong diện tích đất mà ông Nguyễn Văn T được cấp quyền sử dụng. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O là có căn cứ và phù hợp với thực tế.

[4] Từ những cơ sở đã phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, giữ y phần đất tranh chấp có diện tích 2,2m² (được ghi nhận tại các mốc M12 M13 M6 M7 theo Bản trích đo hiện trạng ngày 13/12/2019 của Chi nhánh Trung tâm phát triển Quỹ đất) cho Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O quản lý, sử dụng và không chấp nhận yêu cầu kiện phản tố của Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O, giữ y phần diện tích đất 6,1m² (được ghi nhận tại các mốc M11 M12 M7 M8 theo Bản trích đo hiện trạng ngày 13/12/2019 của Chi nhánh Trung tâm phát triển Quỹ đất) cho ông Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng là phù hợp. Từ đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Mã Thị Kim O, Ông Tăng Văn G, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2022/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

[5] Tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp và có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng là 7.304.000 đồng, nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu 50% chi phí tố tụng. Do ông Nguyễn Văn T đã nộp và thanh toán tạm ứng xong toàn bộ chi phí này nên vợ chồng Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O phải hoàn trả lại 50% chi phí tố tụng cho ông Nguyễn Văn T bằng số tiền là 3.652.000 đồng.

[7] Ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí. Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2022/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Căn cứ Điều 26, 147, 148, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 175, 176 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bác yêu cầu kiện phản tố của bà Mã Thị Kim O, Ông Tăng Văn G.

2.2. Buộc Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O trả lại cho ông Nguyễn Văn T ½ chi phí tố tụng bằng 3.652.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O phải chịu 366.000 đồng, được đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0002676 ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau, Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O còn phải nộp tiếp số tiền 66.000 đồng. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T.

3. Ông Tăng Văn G, bà Mã Thị Kim O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn lại tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004819 ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương

